

Số: **4848**/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **27** tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường
tỉnh Bình Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường Quốc gia giai đoạn 2015 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2167/TTr-STNMT ngày 22/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Bình Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 với nội dung cụ thể như sau:

1. Phạm vi thực hiện: trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Quan điểm, mục tiêu

2.1. Quan điểm

- Mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Bình Định được quy hoạch đảm bảo lồng ghép tối đa giữa các lĩnh vực, có tính kế thừa, tận dụng, phát huy tối đa cơ sở vật chất kỹ thuật và đội ngũ quan trắc viên hiện có; mạng lưới quan trắc môi trường được xây dựng tập trung, có trọng tâm, trọng điểm nhưng phải đảm bảo tính đồng bộ, tiên tiến, hiện đại. Từng bước hiện đại hóa công nghệ, máy móc và thiết bị quan trắc, nâng cao năng lực các đơn vị tham gia mạng lưới và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, yêu cầu bảo vệ tài nguyên - môi trường của tỉnh.

- Mạng lưới quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Bình Định là một hệ thống mở, liên tục được bổ sung, nâng cấp, hoàn thiện, kết nối và chia sẻ thông tin với sự quản lý thống nhất của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Từng bước đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đảm bảo công tác quản lý và vận hành mạng lưới quan trắc môi trường; đáp ứng việc cung cấp số liệu, cập nhật thông tin cơ bản về môi trường của tỉnh.

- Hoạt động mạng lưới quan trắc môi trường của tỉnh Bình Định được bảo đảm bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, đồng thời có cơ chế phù hợp để huy động thêm các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Mục tiêu

- Rà soát, hoàn thiện mạng lưới quan trắc môi trường của tỉnh, phù hợp mạng lưới quan trắc tài nguyên môi trường quốc gia.

- Tăng cường các điểm quan trắc; xây dựng một số trạm quan trắc tự động đối với nước mặt, không khí, nước biển ven bờ, với vị trí, tần suất, thông số quan trắc và các thành phần môi trường phù hợp với hiện trạng và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hoàn thiện cơ sở trang thiết bị, nhân lực phục vụ công tác quan trắc môi trường; định hướng đầu tư trang thiết bị đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm. Phương pháp quan trắc phù hợp với các quy định của quốc gia.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường, bảo đảm thông tin thông suốt, đồng bộ, có hệ thống và độ tin cậy cao; tạo lập, quản lý và khai thác có hiệu quả cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường.

3. Thiết kế Quy hoạch

3.1. Giai đoạn đến năm 2025: Số điểm quan trắc môi trường: 151 điểm, bao gồm:

- Điểm quan trắc môi trường nước mặt: 43 điểm.
- Điểm quan trắc môi trường nước dưới đất: 33 điểm.
- Điểm quan trắc môi trường nước biển ven bờ: 13 điểm.
- Điểm quan trắc môi trường không khí: 33 điểm.
- Điểm quan trắc môi trường đất: 29 điểm.

Số Trạm quan trắc tự động: có 04 trạm

- 01 Trạm quan trắc tự động môi trường không khí tại thành phố Quy Nhơn.
- 01 Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt tại sông Hà Thanh.
- 01 Trạm quan trắc tự động môi trường nước mặt lưu vực sông Côn.
- 01 Trạm quan trắc tự động môi trường nước biển ven bờ tại thành phố Quy Nhơn.

3.2. Giai đoạn đến năm 2030: Bổ sung 02 trạm quan trắc tự động, bao gồm:

- 01 Trạm quan trắc tự động môi trường không khí tại huyện Tuy Phước.
- 01 Trạm quan trắc tự động môi trường nước dưới đất tại xã Nhơn Lý, thành phố Quy Nhơn.

4. Cơ sở dữ liệu quan trắc môi trường: trên phần mềm Envim/Argis phục vụ công tác quản lý dữ liệu quan trắc môi trường đất, nước, không khí.

5. Giải pháp thực hiện Quy hoạch

5.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Xây dựng cơ chế, quy định về việc thu thập, chia sẻ số liệu, thông tin giữa tỉnh và Trung ương.

- Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng thực hiện các văn bản hướng dẫn thực hiện quy trình, quy phạm liên quan đến việc quan trắc. Thu thập, xử lý, quản lý và cung cấp thông tin, số liệu điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2. Giải pháp về phát triển nhân lực

- Tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn và trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường.

- Tham gia các chương trình quan trắc cấp quốc gia với các vấn đề môi trường của khu vực, góp phần giải quyết các vấn đề môi trường của khu vực.

5.3. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Đầu tư trang thiết bị quan trắc hiện trường, phân tích trong phòng thí nghiệm hiện đại đáp ứng được nhu cầu quan trắc các thông số môi trường theo các QCVN và TCVN.

- Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc, thiết bị và công nghệ hiện đại cho hoạt động quan trắc, truyền nhận số liệu, xử lý, quản lý và cung cấp thông tin, số liệu điều tra cơ bản môi trường.

5.4. Về nguồn vốn đầu tư

- Kinh phí tổ chức thực hiện chương trình quan trắc môi trường được sử dụng từ nguồn chi sự nghiệp môi trường hằng năm của tỉnh.

- Nguồn vốn đầu tư trang thiết bị, trạm quan trắc môi trường tự động: từ nguồn sự nghiệp môi trường, sự nghiệp kinh tế, đầu tư phát triển của tỉnh và hỗ trợ của Trung ương, vốn ODA, nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn khác.

- Kinh phí để thực hiện nội dung Quy hoạch được xác định trên cơ sở tổng hợp kinh phí của từng dự án, nhiệm vụ cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

6. Kinh phí, kế hoạch và tiến độ thực hiện

6.1. Danh mục dự án ưu tiên: Chi tiết tại phụ lục 1.

6.2. Phân kỳ và tiến độ thực hiện

- Tổng kinh phí thực hiện: các chương trình, dự án ưu tiên phục vụ quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Bình Định đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030: 39,6 tỷ đồng. Trong đó, phân kỳ theo các giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn đến 2025: 23,6 tỷ đồng.

+ Giai đoạn đến năm 2030: 16 tỷ đồng.

- Nguồn vốn: Dự kiến từ nguồn vốn sự nghiệp môi trường, sự nghiệp kinh tế, vốn ODA, vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh Bình Định, xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác. Ước tính:

+ Kinh phí sự nghiệp môi trường: 16,6 tỷ.

+ Vốn đầu tư phát triển, sự nghiệp kinh tế của tỉnh: 7 tỷ.

+ Vốn Trung ương: 9 tỷ.

+ Vốn ODA: 7 tỷ.

7. Tổ chức thực hiện

7.1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì tổ chức thực hiện các nội dung của Quy hoạch đã được phê duyệt; theo dõi diễn biến chất lượng môi trường của tỉnh để kịp thời đề xuất UBND tỉnh các giải pháp tổ chức thực hiện, ngăn ngừa ô nhiễm, đảm bảo chất lượng môi trường của tỉnh.

- Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

- Nâng cao năng lực quan trắc môi trường cho Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ

- Có trách nhiệm quản lý các trạm quan trắc môi trường tự động đã đầu tư.

7.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:

Căn cứ vào các nội dung của Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh đã được phê duyệt, trên cơ sở đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn để thực hiện Quy hoạch.

7.3. Các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố:

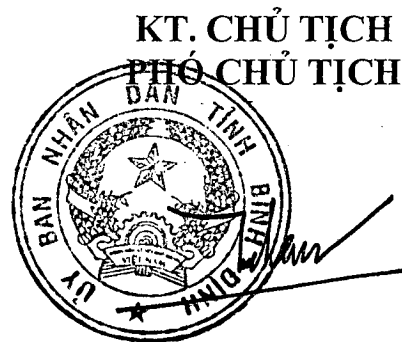
Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện một số vấn đề có liên quan trong quá trình thực hiện các nội dung của Quy hoạch này.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K13 (35b)



Trần Châu



Phụ lục 1.

Danh mục dự án ưu tiên

(Kèm theo Quyết định Số 4848/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Stt	Tên dự án	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian (năm)	Kinh phí dự kiến (Đồng)	Ghi chú
1. Báo cáo quan trắc hiện trạng môi trường							
1.1	Báo cáo quan trắc hiện trạng môi trường trên địa bàn tỉnh	Tổ chức đo đạc, lấy mẫu phân tích hiện trạng môi trường trên địa bàn tỉnh	Sở TN&MT	Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Đến năm 2020	1.590.000.000	Kinh phí sự nghiệp môi trường
1.2	Báo cáo quan trắc hiện trạng môi trường trên địa bàn tỉnh	Tổ chức đo đạc, lấy mẫu phân tích hiện trạng môi trường trên địa bàn tỉnh	Sở TN&MT	Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025	5.000.000.000	
1.3	Báo cáo quan trắc hiện trạng môi trường trên địa bàn tỉnh	Tổ chức đo đạc, lấy mẫu phân tích hiện trạng môi trường trên địa bàn tỉnh	Sở TN&MT	Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2026-2030	5.000.000.000	
2. Tăng cường năng lực trang thiết bị quan trắc và phân tích môi trường							
2.1	Tăng cường đầu tư trang thiết bị phụ trợ và phương tiện khảo sát ngoài thực địa	Đầu tư mua sắm các loại thiết bị lấy mẫu, bảo quản tại hiện trường và phương tiện khảo sát thực địa	Sở TN&MT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	2018-2025	3.000.000.000	Kinh phí sự nghiệp môi trường
2.2	Đầu tư bổ sung hóa chất phục vụ phân tích	Đầu tư mua sắm hóa chất phòng thí nghiệm	Sở TN&MT	Sở Tài chính	2026-2030	2.000.000.000	
3. Đầu tư lắp đặt, vận hành và chuyển giao các trạm quan trắc môi trường tự động cố định							
3.1	Đầu tư xây dựng, lắp đặt trạm quan trắc môi trường không khí tự động cố định	Đầu tư xây dựng, lắp đặt, vận hành và chuyển giao 01 trạm quan trắc môi trường không khí tự động cố định tại Ngã 5 Đống Đa – Quốc lộ 19B, TP.QN	Sở TN&MT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND thành phố Quy Nhơn	2020-2021	4.000.000.000	Kinh phí sự nghiệp kinh tế và đầu tư phát triển
		Đầu tư xây dựng, lắp đặt, vận hành và chuyển giao 01 trạm quan trắc môi trường không khí tự động cố định Khu vực cầu Ghềnh giao Quốc lộ 1D và	Sở TN&MT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND	2026-2027	4.000.000.000	Đề xuất ODA hỗ trợ

Stt	Tên dự án	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian (năm)	Kinh phí dự kiến (Đồng)	Ghi chú
		Quốc lộ 1A), huyện Tuy Phước		huyện Tuy Phước			
3.2	Đầu tư xây dựng, lắp đặt trạm quan trắc môi trường nước mặt sông Côn tự động cố định	Đầu tư xây dựng, lắp đặt, vận hành và chuyển giao 01 trạm quan trắc môi trường nước mặt sông Côn tự động cố định	Sở TN&MT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND huyện Tây Sơn	2022-2023	3.000.000.000	Kinh phí sự nghiệp kinh tế và đầu tư phát triển
		Đầu tư xây dựng, lắp đặt, vận hành và chuyển giao 01 trạm quan trắc môi trường nước mặt sông Hà Thanh tự động cố định	Sở TN&MT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND thành phố Quy Nhơn	2023-2024	3.000.000.000	Đề xuất ODA hỗ trợ
3.3	Đầu tư xây dựng, lắp đặt trạm quan trắc môi trường nước biển ven bờ tự động cố định	Đầu tư xây dựng, lắp đặt, vận hành và chuyển giao 01 trạm quan trắc môi trường nước biển ven bờ tự động cố định	Sở TN&MT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Quy Nhơn	2024-2025	4.000.000.000	Đề xuất Trung ương hỗ trợ
3.4	Đầu tư xây dựng, lắp đặt trạm quan trắc môi trường nước dưới đất tự động cố định	Đầu tư xây dựng, lắp đặt, vận hành và chuyển giao 01 trạm quan trắc môi trường nước dưới đất tự động cố định	Sở TN&MT	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Quy Nhơn	2028-2030	5.000.000.000	Đề xuất Trung ương hỗ trợ